

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐

Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Hóa học;

Chuyên ngành: Hóa học môi trường

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **TRẦN THỊ NGỌC DUNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 22/05/1973; Nam ☐ Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tam Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 117 phố Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: 16/180/211 Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0913239486;

E-mail: ttndzung@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 7/1995 đến 01/2002: Nghiên cứu viên, Viện Khoa học Vật liệu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Từ 02/2002 đến 2011: Nghiên cứu viên, Viện Công nghệ môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Từ 2011 đến 2015: Phó trưởng phòng Phòng Công nghệ thân môi trường, Nghiên cứu viên chính, Viện Công nghệ môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*  
Từ 2015 đến 2023: Trưởng phòng Công nghệ thân môi trường, Nghiên cứu viên chính, Viện Công nghệ môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ 2023 đến 3/2025: Kiêm nhiệm Phó giám đốc Trung tâm nghiên cứu và Phát triển công nghệ Màng, Viện Khoa học Công nghệ năng lượng và môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Từ 15/06/2023 đến 12/2023: Nghiên cứu viên chính, Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ 01/2024 đến nay: Trưởng khoa Công nghệ Môi trường, Nghiên cứu viên chính, Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Chức vụ Hiện nay: Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng/Trưởng khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ Môi trường, Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: A28, 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024 3791 9877

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 12 năm 1994; số văn bằng: 19908; ngành: Hoá, chuyên ngành: Hoá kỹ thuật; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Tổng hợp Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 20 tháng 8 năm 2006; số văn bằng: 1221; ngành: Hoá; chuyên ngành: Công nghệ vật liệu vô cơ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Học viện Kỹ thuật Quân sự, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 10 tháng 09 năm 2014 số văn bằng: 003282; ngành: Môi trường; chuyên ngành: Khoa học môi trường; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Công nghệ môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng . năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ - Hội đồng 1 (Hoá học).

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hoá học và Công nghệ thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ứng viên có hai định hướng nghiên cứu khoa học chính, với tính liên ngành giữa nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano và ứng dụng vật liệu nano trong các lĩnh vực của đời sống.

*Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano*

Nano bạc (AgNPs) là một trong những vật liệu nano được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi nhất hiện nay nhờ kích thước siêu nhỏ và diện tích bề mặt lớn, mang lại các đặc tính vượt trội như hoạt tính xúc tác cao, khả năng kháng khuẩn phổ rộng, tính quang học và dẫn điện ưu việt.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

Nhận thức rõ tiềm năng này, ứng viên đã tập trung nghiên cứu chế tạo AgNPs bằng nhiều phương pháp khác nhau như phương pháp dung dịch nước và phương pháp mixen đảo. Trong phương pháp dung dịch nước, ứng viên sử dụng chitosan là chất ổn định đã tạo được những hạt nano bạc có kích thước tương đối nhỏ, ổn định trong thời gian dài và có hiệu quả kháng khuẩn cao. Phương pháp mixen đảo tạo vi nhũ tương trong dung môi hữu cơ với sự có mặt của chất hoạt động bề mặt đã thu được các hạt nano bạc đồng đều và dễ dàng kiểm soát kích thước. Nhận thấy tiềm năng của công nghệ plasma điện hóa cao áp dòng một chiều, ứng viên đã triển khai nghiên cứu chế tạo nano bạc theo công nghệ này. Trong môi trường nước cất hai lần, dòng điện một chiều cao áp làm anod bạc bị hòa tan, tạo ion  $Ag^+$ . Đồng thời, tại catot xảy ra quá trình điện phân nước, giải phóng hydro ( $H_2$ ) mới sinh – một chất khử mạnh. Khi thiết bị được thiết kế một cách tối ưu, luồng  $H_2$  di chuyển ngược dòng từ đáy lên gặp ion  $Ag^+$  gần anot, khử thành nguyên tử bạc và hình thành các hạt nano bạc có kích thước kiểm soát. Phương pháp này cho phép tổng hợp AgNPs hiệu quả, tinh khiết và hoàn toàn không sử dụng hóa chất ngoại sinh.

Trước thách thức của đại dịch COVID-19 và dịch tả lợn châu Phi, ứng viên đã nghiên cứu chế tạo thành công phức hệ SCP với sự kết hợp giữa nano bạc, chitosan, axit peraxetic và tạo được hiệu ứng hiệu đồng giữa các thành phần. Nhờ đó tạo ra được một chất kháng khuẩn đời mới có những ưu điểm nổi bật như: hiệu quả kháng vi khuẩn và virus mạnh mẽ ngay ở nồng độ rất thấp, là chất khử trùng an toàn với môi trường do sản phẩm cuối cùng của phức hệ chủ yếu là  $CO_2$  và  $H_2O$ , giảm lượng bạc tích lũy trong môi trường. Phức hệ SCP đã được chứng minh là hiệu quả trên các chủng virus gây bệnh trong chăn nuôi như tả lợn châu Phi, lở mồm long móng và các vi khuẩn gây bệnh trong chuồng trại như *Staphylococcus*, *Salmonella*, *E. coli*. Phức hệ SCP chế tạo có giá thành rẻ, ứng dụng được trong nhiều lĩnh vực khác nhau như y tế, công nghiệp, nông nghiệp và môi trường.

*Hướng nghiên cứu 2: Ứng dụng vật liệu nano trong các lĩnh vực của đời sống.*

Sau khi phát triển các phương pháp tổng hợp để có được nano bạc chất lượng cao, ổn định và đồng đều, bước tiếp theo mang ý nghĩa then chốt là đánh giá khả năng ứng dụng thực tiễn của nano bạc và SCP trong các lĩnh vực đang đối mặt với những thách thức cấp bách như y tế, nông nghiệp và môi trường. Việc lựa chọn các hướng ứng dụng này được căn cứ trên nhu cầu thực tiễn, khả năng chuyển giao công nghệ và tiềm năng đóng góp vào giải quyết các vấn đề xã hội hiện nay.

Trong lĩnh vực y tế, sự lan rộng của các chủng vi khuẩn kháng kháng sinh cùng với nguy cơ bùng phát các dịch bệnh do virus đang đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng. Ứng viên đã thực hiện những nghiên cứu chuyên sâu để đánh giá tính an toàn thông qua thử nghiệm liều độc tính cấp của dung dịch nano bạc hàm lượng cao (5000ppm) trên chuột nhắt trắng, đánh giá khả năng diệt vi khuẩn trên nhiều đối tượng vi khuẩn gây bệnh, đặc biệt là những vi khuẩn đa kháng kháng sinh thu thập tại bệnh viện. Các kết quả cho thấy nano bạc chế tạo được có hoạt lực diệt khuẩn mạnh trên các chủng vi khuẩn *P.aeruginosa*, *S.aureus*, *Ac. baumannii*, *Candida albicans*, *N.gonorrhoeae*, *E.coli*, *S.aureus*, *Ent. Faecalis* ở nồng độ rất thấp (<1ppm). Đồng thời, chứng minh được nano bạc còn thể hiện hiệu quả cao trong ức chế virus *Dengue*, mở ra triển vọng ứng dụng trong kiểm soát các bệnh do virus.

Ứng viên đã nghiên cứu ứng dụng nano bạc thu được để chế tạo băng gạc điều trị vết thương và nghiên cứu đánh giá thử nghiệm cận lâm sàng điều trị vết thương bỏng trên thí nghiệm và thử nghiệm lâm sàng trên vết thương bỏng độ 2 và độ 3 nông ở các bệnh nhân bỏng tại Viện bỏng Quốc gia. Các kết quả cho thấy băng gạc nano bạc chế tạo được có hiệu quả trong điều trị tương đương với băng gạc nano bạc nhập khẩu của hãng ANSON trong điều trị bỏng.

Trong nông nghiệp, hai loại dịch bệnh nguy hiểm do virus là ASF (dịch tả lợn châu Phi) và FMD (lở mồm long móng) hiện chưa có thuốc điều trị đặc hiệu, gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành chăn nuôi. Ứng dụng nano bạc và phức hệ SCP như một giải pháp phòng chống dịch bệnh có thể mang lại hiệu quả cao trong việc ức chế sự nhân lên của virus, hạn chế sự lây lan trong môi trường chăn nuôi và góp phần phòng chống dịch hiệu quả với chi phí hợp lý. Đây là hướng tiếp cận

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*  
an toàn, thân thiện với môi trường và có thể trở thành biện pháp phòng chống dịch có giá trị ứng dụng cao.

Trong lĩnh vực môi trường, tại nhiều vùng nông thôn, miền núi, hoặc trong điều kiện thiên tai như lũ lụt, người dân không thể tiếp cận được nguồn nước sạch. Trước bối cảnh đó, giải pháp khả thi nhất là phát triển các thiết bị lọc nước đơn giản tại chỗ sử dụng vật liệu lọc có khả năng diệt khuẩn, đảm bảo nước uống an toàn. Ứng viên đã đề xuất chế tạo vật liệu ceramic xốp có định hạt nano bạc, có khả năng loại bỏ vi sinh vật. Các sản phẩm như màng lọc, nén lọc, hạt lọc cho phép đáp ứng nhu cầu nước uống mà không cần đun sôi hay dùng hóa chất, từ đó nâng cao khả năng ứng phó nhanh trong trường hợp khẩn cấp và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Đây là công trình đầu tiên chế tạo thành công màng lọc ceramic xốp gắn nano bạc bằng phương pháp khử in-situ và đã được Cục SHTT cấp bằng sáng chế số 14431. Phương pháp này cho phép bạc được gắn đều trên bề mặt các lỗ xốp của màng ceramic, nhờ vậy làm tăng hiệu quả tác dụng diệt khuẩn của các hạt nano bạc và giảm đáng kể hiện tượng bạc trôi ra trong quá trình sử dụng.

Ngoài ra, quá trình nghiên cứu chế tạo nano bạc bằng phương pháp điện hóa đã tạo tiền đề để ứng viên tiếp cận và khai thác công nghệ plasma điện hóa – có khả năng tạo ra các gốc oxy hóa mạnh và nano kim loại từ hòa tan điện cực. Từ nền tảng này, ứng viên đề xuất mở rộng ứng dụng công nghệ plasma điện hóa vào xử lý amoni trong nước rỉ rác, một thách thức môi trường phổ biến nhưng khó xử lý hiệu quả bằng các phương pháp truyền thống

Với định hướng ứng dụng liên ngành, gắn kết giữa nghiên cứu cơ bản và các yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn, hướng nghiên cứu này không chỉ mang lại giá trị khoa học – công nghệ mà còn tạo nền tảng vững chắc cho chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Đây là sự tiếp cận phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc xem khoa học và công nghệ là động lực then chốt của phát triển kinh tế – xã hội, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và ứng phó với các thách thức toàn cầu như dịch bệnh, biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường.

#### 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm **01** dự án **cấp Nhà nước**, **04** đề tài **cấp Bộ**, **02** đề tài **cấp cơ sở**;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **03 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS (**02 HVCH** đã được cấp bằng).
- Đã công bố **37** bài báo và báo cáo khoa học trên các tạp chí và hội nghị khoa học trong nước và quốc tế, trong đó có **11** bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín **SCIE**, **07** bài thuộc danh mục **Scopus**, **16** bài trên tạp chí trong nước có uy tín, **02** bài tại các hội thảo quốc tế và **01** bài tại Hội thảo khoa học trong nước.
- Chủ biên **01** cuốn **sách chuyên khảo** do Nhà xuất bản Khoa học và Công nghệ xuất bản.
- Đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp **02** bằng **Độc quyền Sáng chế** và **03** bằng **Độc quyền Giải pháp hữu ích**, ứng viên đều là **tác giả chính** các Sở hữu trí tuệ trên.

#### 15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2021.

Bằng Lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn lao động năm 2015.

Bằng khen của Công đoàn viên chức Việt Nam 2014, 2016.

Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2009, 2011, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2021, 2022.

#### 16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

### B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Trong suốt thời gian công tác giảng dạy và nghiên cứu tại Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường (trước đây là Viện Công nghệ môi trường), ứng viên luôn không ngừng nỗ lực phấn đấu để

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Ứng viên đã trau dồi kiến thức chuyên môn, năng lực nghiên cứu, nghiệp vụ giảng dạy và tích lũy kinh nghiệm quản lý. Ứng viên tự nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà nghiên cứu và giảng viên, cụ thể như sau:

❖ *Về tư tưởng, đạo đức, lối sống*

- Có tư tưởng chính trị vững vàng, trung thành với đường lối lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt chính sách và pháp luật của Nhà nước.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành tốt sự phân công của tổ chức; tuân thủ các quy chế và quy định của cơ quan công tác.
- Có phẩm chất đạo đức, lối sống giản dị, chân thành, nhiệt tình, đúng mực với bạn bè và đồng nghiệp; luôn cầu thị, sẵn sàng tiếp thu và sửa chữa khuyết điểm để hoàn thiện bản thân.
- Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý Khoa.
- Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao về giảng dạy và hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với chất lượng cao.

❖ *Về đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị:*

- Đã hoàn thành khoá học Cao cấp Lý luận chính trị tại Học viện Chính trị Hồ Chí Minh năm 2021.
- Đã hoàn thành Khoá đào tạo Bồi dưỡng chức danh Nghiên cứu viên Cao cấp.
- Có chuyên môn và quá trình đào tạo theo đúng chuyên ngành mà ứng viên tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

❖ *Về công tác giảng dạy:*

Ứng viên luôn ý thức rằng công tác giảng dạy là một nhiệm vụ quan trọng để tăng cường đội ngũ nhân lực khoa học cho đất nước nên luôn tâm huyết với công tác này. Ứng viên luôn chấp hành nghiêm túc sự điều động công tác phục vụ giảng dạy của Cơ quan quản lý. Ứng viên thực hiện nghiêm túc sự phân công lịch giảng, hoàn thành khối lượng giảng dạy được giao và thực hiện giảng dạy theo đúng đề cương. Ứng viên không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm, biên soạn và cập nhật thường xuyên các bài giảng, tiếp cận các kiến thức chuyên môn mới, các phương pháp giảng dạy mới để người học tiếp thu hiệu quả hơn.

Ứng viên tích cực tham gia xuất bản sách và giáo trình để phục vụ công tác giảng dạy tại Học viện Khoa học và Công nghệ.

Ứng viên luôn đảm bảo tính công bằng trong công tác giảng dạy, khuyến khích sinh viên chủ động tương tác tích cực trong các bài học. Ứng viên luôn cởi mở, thân thiện và tận tình hỗ trợ, giải đáp thắc mắc của học viên nên được nhiều học viên tin tưởng.

❖ *Về nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng*

Ứng viên có niềm đam mê, sáng tạo, chủ động, nghiêm túc và kiên trì trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Ba hướng nghiên cứu khoa học chính của ứng viên có tính liên ngành và ứng dụng cao giữa lĩnh vực vật liệu nano và các lĩnh vực môi trường, y tế và nông nghiệp. Ở vai trò là chủ nhiệm đề tài dự án, ứng viên đã kết nối các thành viên trong nhóm, mở rộng hợp tác nghiên cứu đa ngành để hoàn thành tốt các nội dung nghiên cứu và nghiệm thu đúng hạn. Toàn bộ các đề tài nghiên cứu (01 dự án cấp Nhà nước và 04 đề tài cấp Bộ) do ứng viên chủ nhiệm đều được các Hội đồng nghiệm thu đánh giá xuất sắc. Ứng viên là tác giả chính của nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí SCIE có uy tín, là tác giả chính của 02 bằng Sáng chế, 03 bằng Giải pháp hữu ích và là chủ biên của 1 cuốn sách chuyên khảo đã thể hiện năng lực nghiên cứu và công bố khoa học của ứng viên.

Ứng viên cũng nhận thấy nghiên cứu cần gắn liền với ứng dụng thực tiễn để có thể đóng góp nhiều nhất cho xã hội do đó ứng viên đã luôn nỗ lực ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào đời sống. Nhiều nghiên cứu ứng dụng do ứng viên làm chủ nhiệm như “Ứng dụng nano bạc vào các sản phẩm của công ty Vietsing” đã được chuyển giao cho doanh nghiệp và đưa vào sản xuất phục vụ đời sống.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
Ứng viên cũng chủ trì thực hiện nhiều hợp đồng cung cấp vật liệu nano cho các doanh nghiệp trong nước để sản xuất sản phẩm phục vụ nhu cầu thị trường như gel kháng khuẩn vết thương, nước súc miệng, bộ sản phẩm chăm sóc phụ khoa, sản phẩm chăm sóc vết thương...

❖ Về năng lực quản lý

Ứng viên hiện tại đảm nhận chức vụ Trưởng khoa Công nghệ Môi trường trong vai trò này ứng viên luôn chủ động sáng tạo và có trách nhiệm cao với các nhiệm vụ được giao. Ứng viên đã xây dựng tầm nhìn và kế hoạch phát triển Khoa phù hợp với chiến lược chung của Học viện. Chủ động gặp gỡ làm việc với Lãnh đạo Học viện và Viện chuyên ngành để phối hợp các công việc về phát triển giảng viên, tăng cường tuyển sinh, kiện toàn tổ chức và hoạt động hiệu quả 3 mã ngành mà Khoa đang quản lý. Ứng viên cũng luôn tạo môi trường hoà đồng giữa các giảng viên trong khoa và phân công công việc hợp lý để các giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong những năm gần đây Khoa đã có những thành tích vượt bậc trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 08 năm 04 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |       | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SDH   |                                                                                           |
| 1               | 2019-2020 |                           |     |                                    |                                         |                                    | 45    | 45/45/135                                                                                 |
| 2               | 2020-2021 |                           |     |                                    |                                         |                                    | 45    | 45/45/135                                                                                 |
| 3               | 2021-2022 |                           |     | 01                                 |                                         |                                    | 182,5 | 112,5/182,5/135                                                                           |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |       |                                                                                           |
| 4               | 2022-2023 |                           |     |                                    | 01                                      |                                    | 180   | 180/250/135                                                                               |
| 5               | 2023-2024 |                           |     |                                    |                                         |                                    | 225   | 225/225/135                                                                               |
| 6               | 2024-2025 |                           | 01  | 01                                 |                                         |                                    | 135   | 135/221,7/135                                                                             |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH; ☐ tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp: .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác; ☐ Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL IPT

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                           | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng                             |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                                         |                                                                                   |
| 1  | Trần Thị Nhân                 |           | HVCH          | X                     |     | 2015-2017                          | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường | QĐ cấp bằng số 289/QĐ-TĐHHN ngày 12/02/2018, Số bằng 192769 ngày 26/04/2018       |
| 2  | Đỗ Lê Thành Hưng              |           | HVCH          | X                     |     | 2021-2023                          | Học viện Khoa học và Công nghệ          | QĐ cấp bằng số 181/QĐ-HVKHCN ngày 13/03/2023 Số bằng GUST/ThS 457 ngày 20/03/2023 |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                                | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản   | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)                                       | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|-----------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận TS             |                            |                                |            |          |                                                                               |                                                            |
| II | Sau khi được công nhận TS               |                            |                                |            |          |                                                                               |                                                            |
| 1  | Nano bạc điều chế, đặc tính và ứng dụng | Chuyên khảo                | Khoa học tự nhiên và Công nghệ | 3          | Chủ biên | Chương I, II từ trang 11 đến trang 109, chỉnh sửa biên soạn toàn bộ cuốn sách | QĐ số 306/QĐ-HVKHCN ngày 29/4/2025                         |

Trong đó: Số lượng 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS [1].

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISSN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                             | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý                      | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ                                            |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | <b>Trước khi được công nhận TS</b>                                                                                                         |           |                                           |                     |                                                                                                |
| 1  | Đề tài: “Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chế tạo băng gạc chứa nano bạc để điều trị các vết thương và vết loét khó lành trên người”        | CN        | Viện Hàn lâm KH&CNVN                      | 2010 - 2011         | Quyết định phê duyệt nghiệm thu số 1276/QĐ-KHCNVN ngày 19/9/2012<br>Xếp loại: Xuất sắc         |
| 2  | Đề tài: “Nghiên cứu chế tạo bộ dụng cụ lọc ceramic xốp cố định nano bạc dùng cho mục đích làm sạch nước quy mô gia đình”                   | CN        | Viện Hàn lâm KH&CNVN                      | 2012-2013           | Quyết định phê duyệt nghiệm thu số 748/QĐ-KHCNVN ngày 04/6/2012<br>Xếp loại: Xuất sắc          |
| II | <b>Sau khi được công nhận TS</b>                                                                                                           |           |                                           |                     |                                                                                                |
| 3  | Dự án SXTN “Hoàn thiện công nghệ sản xuất dung dịch nano bạc làm nguyên liệu sử dụng trong nông nghiệp, y tế và các lĩnh vực của đời sống” | CN        | Viện Hàn lâm KH&CNVN (cấp Bộ)             | 2016-2018           | Quyết định số 897/QĐ-VHL ngày 04/6/2019 công nhận kết quả DASXTN<br>Xếp loại: Xuất sắc         |
| 4  | Dự án: “Áp dụng sáng chế số 14431 để sản xuất vật liệu và thiết bị xử lý nước uống an toàn sinh học”                                       | CN        | Cấp Nhà nước                              | 2018-2020           | Biên bản nghiệm thu thanh lý HĐ ngày 31/8/2021<br>Xếp loại: Xuất sắc                           |
| 5  | Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng các hạt nano bạc trong ức chế sự phát triển của virus <i>Dangue</i> gây bệnh sốt xuất huyết”                   | CN        | Viện Công nghệ môi trường (cấp cơ sở)     | 2021                | Quyết định số 610/QĐ-VCNMT ngày 02/11/2021 công nhận kết quả thực hiện đề tài<br>Xếp loại: Khá |
| 6  | Đề tài “Nghiên cứu tác dụng của nano bạc trong việc diệt một số mầm bệnh do virus và vi khuẩn gây ra trong trang trại chăn nuôi lợn”       | CN        | Viện Hàn lâm KH&CNVN (cấp Bộ)             | 2022-2025           | Quyết định nghiệm thu kết quả đề tài số 1408/QĐ-VHL ngày 17/06/2025<br>Xếp loại: Xuất sắc      |
| 7  | Đề tài: “Ứng dụng công nghệ plasma điện hóa thân thiện môi trường xử lý ammonia trong nước thải rỉ rác”                                    | CN        | Viện Hàn lâm KH&CNVN (cấp cơ sở chọn lọc) | 2023-2025           | Biên bản họp nghiệm thu đề tài Cơ sở chọn lọc ngày 24/6/2025<br>Xếp loại: Xuất sắc             |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT                                  | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                 | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                              | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                | Tháng, năm công bố |
|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------|--------------------|
| I                                   | <b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b>                                                                                 |            |                  |                                                                              |                                                   |                                            |                               |                    |
|                                     | <i>Tạp chí ISI/Scopus</i>                                                                                              |            |                  |                                                                              |                                                   |                                            |                               |                    |
| 1                                   | Synthesis of nanosilver particles by reverse micelle method and study of their bactericidal properties                 | 8          | X                | Journal of Physics: Conference Series<br>ISSN: 1742-6588                     | Scopus Q4, IF = 0,49                              | 57                                         | tập 187, số 1, trang p 012054 | 2009               |
| DOI: 10.1088/1742-6596/187/1/012054 |                                                                                                                        |            |                  |                                                                              |                                                   |                                            |                               |                    |
| 2                                   | Studies on manufacturing of topical wound dressings based on nanosilver produced by aqueous molecular solution method  | 4          |                  | Journal of Experimental Nanoscience<br>ISSN: 1745-8080                       | ISI (SCIE Q2, IF = 1,98)                          | -                                          | tập 6, số 4, trang 406-421    | 2011               |
| DOI: 10.1080/17458080.2010.506520   |                                                                                                                        |            |                  |                                                                              |                                                   |                                            |                               |                    |
|                                     | <i>Tạp chí trong nước</i>                                                                                              |            |                  |                                                                              |                                                   |                                            |                               |                    |
| 3                                   | Nghiên cứu nâng cao hoạt tính của dung dịch hoạt hóa điện hóa trên thiết bị ecachlor để ứng dụng khử trùng, diệt khuẩn | 2          |                  | Tạp chí Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật và Công nghệ quân sự<br>ISSN: 1859-1043 |                                                   | -                                          | Số 17, trang 83-89            | 2006               |
| 4                                   | Manufacture Of Nanosilver And Investigation Of Its Application For Disinfection                                        | 6          |                  | Advances in Natural Sciences<br>ISSN: 1859-221X                              |                                                   | 78                                         | tập 9, số 2, trang 241-248    | 2008               |
| 5                                   | Nghiên cứu hiệu lực khử khuẩn của dung dịch nano bạc đối với phẩy khuẩn <i>Vibrio cholerae</i> gây bệnh tả             | 4          | X                | Tạp chí Khoa học và Công nghệ<br>ISSN: 0866-708X                             |                                                   | 4                                          | tập 47, số 2, trang 47-53     | 2009               |
| 6                                   | Nghiên cứu sử dụng nano bạc làm dung dịch khử trùng dưới dạng bình xịt                                                 | 5          | X                | Tạp chí Khoa học và Công nghệ<br>ISSN:0866-708X                              |                                                   | 1                                          | tập 47, số 4, trang 95-102.   | 2009               |

ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM  
Số 10/2022 của Ủy ban Nhân quyền và Dân sự

|                                |                                                                                                                          |    |   |                                                                                      |                      |    |                              |      |
|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----|------------------------------|------|
| 7                              | Nghiên cứu chế tạo vật liệu khử khuẩn Ag/TiO <sub>2</sub> kích thước nano và đánh giá hiệu lực diệt khuẩn <i>E. coli</i> | 10 |   | Tạp chí Hóa học<br>ISSN: 0866-7144                                                   |                      | -  | tập 48, số 4C, trang 366-370 | 2010 |
| 8                              | Nghiên cứu tác dụng của băng nano bạc lên quá trình điều trị vết thương bỏng                                             | 6  | X | Tạp chí Khoa học và Công nghệ<br>ISSN: 0866-708X                                     |                      | 3  | Tập 49, số 3, trang 87-92    | 2011 |
| 9                              | Nghiên cứu biến tính sợi nano cacbon làm vật liệu hấp phụ và ứng dụng để tách các ion kim loại nặng từ môi trường nước.  | 4  |   | Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học<br>ISSN: 0868-3224                             |                      | -  | tập 17, số 1, trang 42-25    | 2012 |
| Hội nghị quốc tế               |                                                                                                                          |    |   |                                                                                      |                      |    |                              |      |
| 10                             | Studies on preparation of nanosilver and carbon nano tubes coated porous ceramic material used for water purification    | 3  | X | Proceeding of the 3rd International workshop on Nanotechnology and Application       |                      | -  | Trang 898-992                | 2011 |
| 11                             | Synthesis and comparision of Ag/substrate materials on anti-bacteria performance                                         | 5  |   | Proceeding of the 3rd International workshop on Nanotechnology and Application       |                      | -  | Trang 1023-1027              | 2011 |
| Hội nghị quốc gia              |                                                                                                                          |    |   |                                                                                      |                      |    |                              |      |
| 12                             | Vai trò của bạc đối với quá trình khử khuẩn <i>E. coli</i> của vật liệu nano Ag/TiO <sub>2</sub>                         | 12 |   | Hội nghị Khoa học kỷ niệm 35 năm Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam- Hà Nội |                      | -  |                              | 2010 |
| II                             | Sau khi được công nhận TS                                                                                                |    |   |                                                                                      |                      |    |                              |      |
| Tạp chí ISI/Scopus             |                                                                                                                          |    |   |                                                                                      |                      |    |                              |      |
| 13                             | Silver Nanoparticles Induce Lipid Peroxidation and Morphological Changes in Human Lymphocytes Surface                    | 9  |   | Biophysics (Russian Federation)<br>ISSN: 0006-3509                                   | Scopus Q4, IF = 0,35 | 24 | tập 59, trang 380-386        | 2014 |
| DOI: 10.1134/S0006350914030282 |                                                                                                                          |    |   |                                                                                      |                      |    |                              |      |
| 14                             | Quantitative concentration determination of silver nanoparticles prepared by DC high voltage                             | 5  |   | Vietnam J. Chem<br>ISSN: 2572-8288                                                   | Scopus               | 6  | tập 56, số 5, trang 553-558  | 2018 |

|                                    |                                                                                                                                |   |   |                                                                  |                             |     |                                 |      |
|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----|---------------------------------|------|
|                                    | electrochemical method                                                                                                         |   |   |                                                                  |                             |     |                                 |      |
| DOI: 10.1002/vjch.201800046        |                                                                                                                                |   |   |                                                                  |                             |     |                                 |      |
| 15                                 | Novel FeMgO/CNT nano composite as efficient catalyst for phenol removal in ozonation process                                   | 7 |   | Materials Research Express<br>ISSN: 2053-1591                    | ISI (SCIE Q2),<br>IF = 2,46 | 7   | Tập 5, số 9, trang 1-17         | 2018 |
| DOI: 10.1088/2053-1591/aad670      |                                                                                                                                |   |   |                                                                  |                             |     |                                 |      |
| 16                                 | Bactericidal activity of nanosilver against pathogenic microorganisms which cause peculiar diseases of genital secretion track | 5 | X | Vietnam Journal of Science and Technology<br>ISSN: 2525-2518     | Scopus                      | 3   | tập 57, số 1, trang 67-75       | 2019 |
| DOI: 10.15625/2525-2518/57/1/12571 |                                                                                                                                |   |   |                                                                  |                             |     |                                 |      |
| 17                                 | Electrochemical preparation of nano silver by combining high dc voltage with anodic plasma                                     | 4 |   | Vietnam Journal of Science and Technology<br>ISSN: 2525-2518     | Scopus                      | 3   | tập 57, số 2, trang 186-198     | 2019 |
| DOI: 10.15625/2525-2518/57/2/12578 |                                                                                                                                |   |   |                                                                  |                             |     |                                 |      |
| 18                                 | Preparation of silver nanoparticle-containing ceramic filter by in-situ reduction and application for water disinfection       | 5 | X | Journal of Environmental Chemical Engineering<br>ISSN: 2213-3437 | ISI (SCIE Q1),<br>IF = 4,6  | 40  | Tập 7, số 3, 103176             | 2019 |
| DOI: 10.1016/j.jece.2019.103176    |                                                                                                                                |   |   |                                                                  |                             |     |                                 |      |
| 19                                 | A facile synthesis of ruthenium/reduced graphene oxide nanocomposite for effective electrochemical applications                | 9 |   | Solar Energy<br>ISSN: 0038-092X                                  | ISI (SCIE Q1), IF = 5,37    | 29  | Tập 191, trang 420-426          | 2019 |
| DOI: 10.1016/j.solener.2019.09.016 |                                                                                                                                |   |   |                                                                  |                             |     |                                 |      |
| 20                                 | Silver nanoparticles as potential antiviral agents against African swine fever virus                                           | 8 | X | Materials Research Express<br>ISSN: 2053-1591                    | ISI (SCIE Q2),<br>IF = 1,59 | 120 | Tập 6, số 12, 1250g9            | 2020 |
| DOI: 10.1088/2053-1591/ab6ad8      |                                                                                                                                |   |   |                                                                  |                             |     |                                 |      |
| 21                                 | Electrochemical Plasma for Treating 2,4,5-Trichlorophenoxyacetic Acid in a Water                                               | 6 |   | ACS Omega<br>ISSN: 2470-1343                                     | ISI (SCIE Q2),<br>IF=3,92   | 4   | tập 4, số 40, trang 26329-26337 | 2021 |

|                                 |                                                                                                                                            |    |   |                                                                                  |                               |   |                                       |      |
|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---|---------------------------------------|------|
|                                 | Environment Using Iron Electrodes                                                                                                          |    |   |                                                                                  |                               |   |                                       |      |
| DOI: 10.1021/acsomega.1c03487   |                                                                                                                                            |    |   |                                                                                  |                               |   |                                       |      |
| 22                              | Utilization of Rice Husk, an Abundant and Inexpensive Biomass in Porous Ceramic Membrane Preparation: A Crucial Role of Firing Temperature | 5  | X | Journal of Nanomaterials<br>ISSN: 1687-4129                                      | ISI (SCIE - Q3),<br>IF= 3,749 | 7 | Số 1,<br>8688238                      | 2021 |
| DOI: 10.1155/2021/8688238       |                                                                                                                                            |    |   |                                                                                  |                               |   |                                       |      |
| 23                              | Fabricate filter kits and evaluate their application for producing bio-safety clean water in flood zones                                   | 2  | X | Vietnam Journal of Science and Technology<br>ISSN: 2525-2518                     | Scopus Q4,<br>IF = 0,29       | - | Tập 60,<br>số 5B,<br>trang<br>112-121 | 2022 |
| DOI: 10.15625/2525-2518/17370   |                                                                                                                                            |    |   |                                                                                  |                               |   |                                       |      |
| 24                              | Potential application of chitosan stabilized silver nanoparticles for simultaneous control of dengue virus and mosquito vectors.           | 6  | X | Nanotechnology<br>ISSN: 1361-6528                                                | ISI (SCIE Q2),<br>IF = 3,55   | 5 | Tập 34,<br>025101                     | 2022 |
| DOI: 10.1088/1361-6528/ac97a2   |                                                                                                                                            |    |   |                                                                                  |                               |   |                                       |      |
| 25                              | Environmentally friendly technology for treatment of pesticide and ammonia contaminated water with electrochemical plasma                  | 4  |   | Vietnam Journal of Science and Technology<br>ISSN: 2525-2518                     | Scopus Q4,<br>IF = 0,29       | 1 | Tập 61,<br>số 3,<br>trang<br>382-393  | 2023 |
| DOI: 10.15625/2525-2518/17372   |                                                                                                                                            |    |   |                                                                                  |                               |   |                                       |      |
| 26                              | Effective Foot and Mouth Disease Virus Control Using Silver Nanoparticles                                                                  | 6  | X | ChemistrySelect<br>ISSN: 2365-6549                                               | ISI (SCIE Q2),<br>IF = 1,9    | 2 | Tập 9, số<br>4,<br>e202400<br>143     | 2024 |
| DOI: 10.1002/slct.202400143     |                                                                                                                                            |    |   |                                                                                  |                               |   |                                       |      |
| 27                              | Structural and Optical Properties of N-doped Graphene Quantum Dots and S, N Co-doped Graphene Quantum Dots for Antibacterial Applications  | 10 |   | JOM (The Journal of The Minerals, Metals & Materials Society)<br>ISSN: 1543-1851 | ISI (SCIE-Q2),<br>IF = 2,1    | - | Trang 1<br>- 12                       | 2025 |
| DOI: 10.1007/s11837-025-07489-7 |                                                                                                                                            |    |   |                                                                                  |                               |   |                                       |      |

|                                |                                                                                                                                                                     |   |   |                                                                            |                            |   |                              |      |
|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---|------------------------------|------|
| 28                             | Evaluating the Impact of Fe and W Electrodes on Ammonia Treatment in Ammonia-Rich Wastewater via High-Voltage Electrochemical Plasma                                | 7 | X | Journal of Environmental Engineering<br>ISSN: 1943-7870                    | ISI (SCIE-Q2),<br>IF = 1,6 |   | Tập 151, số 8, 0402503 9     | 2025 |
| DOI: 10.1061/JOEEDU.EEENG-7988 |                                                                                                                                                                     |   |   |                                                                            |                            |   |                              |      |
| Tập chí trong nước             |                                                                                                                                                                     |   |   |                                                                            |                            |   |                              |      |
| 29                             | Nghiên cứu gắn nano bạc lên màng gồm xốp bằng phương pháp khử in-situ                                                                                               | 2 | X | Tạp chí Khoa học và Công nghệ<br>ISSN: 0866-708X                           |                            | 3 | Tập 53, số 6, trang 715-722  | 2015 |
| 30                             | Nghiên cứu tạo xốp cho màng lọc nước phủ nano bạc                                                                                                                   | 3 | X | Tạp chí Khoa học và Công nghệ<br>ISSN: 0866-708X                           |                            | - | Tập 53, số 6A, trang 237-244 | 2015 |
| 31                             | Chế tạo gốm xốp mang bạc nano diệt khuẩn xử lý nước sinh hoạt đầm Thị Nại- Bình Định                                                                                | 3 |   | Tạp chí Khoa học- Trường ĐH Quy Nhơn<br>ISSN: 1859-0357                    |                            | - | Tập 10, số 4, trang 139-145  | 2016 |
| 32                             | Nghiên cứu tạo màng bạc nano diệt khuẩn lên bề mặt thủy tinh, sứ                                                                                                    | 3 |   | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ<br>ISSN: 2615-9317 |                            | - | Tập 32, số 4, trang 53 - 57  | 2016 |
| 33                             | Điều chế và ứng dụng nano bạc điện hóa, hóa học phòng ngừa và chữa bệnh tiêu chảy cho heo con                                                                       | 3 |   | Tạp chí Khoa học- Trường ĐH Quy Nhơn<br>ISSN:1859-0357                     |                            | - | Tập 12, số 1, trang 55-62    | 2018 |
| 34                             | Khả năng ứng dụng phương pháp điện hóa cao áp để xử lý ô nhiễm môi trường                                                                                           | 3 |   | Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ quân sự<br>ISSN: 1859-1043        |                            | - | Tập 60 trang 126-131         | 2019 |
| 35                             | Nghiên cứu động học và khả năng khoáng hóa 2,4-dichlorophenoxyacetic trong môi trường nước bằng kỹ thuật điện hóa cao áp với sự xuất hiện plasma trên điện cực sắt. | 5 |   | Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ quân sự<br>ISSN: 1859-1043        |                            | - | Số 76, trang 82-88.          | 2021 |
| 36                             | Điều chế nano bạc tinh khiết bằng công nghệ                                                                                                                         | 2 |   | Tạp chí hóa học và ứng dụng                                                |                            | - | Số 1B (60B),                 | 2022 |

|    |                                                                                          |   |   |                                                |  |   |                               |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------|--|---|-------------------------------|------|
|    | điện hóa DC cao áp với plasma và tiềm năng ứng dụng trong y, dược                        |   |   | ISSN: 1859-4069                                |  |   | trang 196-208                 |      |
| 37 | Nghiên cứu ảnh hưởng của nano bạc với một số chủng vi-rút gây bệnh và tiềm năng ứng dụng | 3 | X | Tạp chí hóa học và ứng dụng<br>ISSN: 1859-4069 |  | - | Số 1B (60B),<br>trang 347-351 | 2022 |

- Trong đó: Số lượng **08** bài báo khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau Tiến sĩ trong đó có **06** bài **SCIE Q1/Q2/Q3** [18, 20, 22, 24, 26, 28] và **02** bài trong danh mục **Web of Sciences/Scopus** [16, 23].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1  |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1  |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích                                                                                              | Tên cơ quan cấp                               | Ngày tháng năm cấp                                     | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|------------|
| 1  | Bằng độc quyền sáng chế số 14431 "Vật liệu lọc nước bằng sứ xốp có định nano bạc dùng để lọc nước và phương pháp sản xuất vật liệu lọc này" | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ | Cấp theo Quyết định số 47831/QĐ-SHTT ngày 10.8.2015    | Tác giả chính               | 04         |
| 2  | Bằng độc quyền sáng chế Số 42765 "Quy trình điều chế chế phẩm diệt vi khuẩn và virus chứa phức hệ nano bạc và axit peraxetic".              | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ | Cấp theo Quyết định số 152615/QĐ-SHTT ngày 24/12/2024  | Tác giả chính               | 02         |
| 3  | Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích Số 1562 "Phương pháp phủ dung dịch nano bạc lên màng sợi dùng trong vật dụng vệ sinh cá nhân"              | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ | Cấp theo Quyết định số 55552/QĐ-SHTT ngày 15.08.2017   | Tác giả chính               | 01         |
| 4  | Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích số 2952 "Phương pháp bào chế chế phẩm chăm sóc răng miệng chứa phức chất keo ong và nano"                  | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ | Cấp theo Quyết định số 11271w/QĐ-SHTT ngày 05/07/2022. | Tác giả chính               | 01         |

|   |                                                                                                                                                     |                                               |                                                            |               |    |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------|----|
|   | bạc, và chế phẩm chăm sóc răng miệng thu được bằng phương pháp này”                                                                                 |                                               |                                                            |               |    |
| 5 | Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích số 3006 “Phương pháp tạo phức chất keo ong và nano bạc” cấp bằng theo Quyết định số 18217w/QĐ-SHTT ngày 21/10/2022 | Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ | Cấp bằng theo Quyết định số 18217w/QĐ-SHTT ngày 21/10/2022 | Tác giả chính | 01 |

- Trong đó: tất cả **02** Bằng độc quyền sáng chế và **03** Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích (mục 7.2 từ 1-5) UV là **tác giả chính sau TS**.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1  |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  |                                                             |                                |                                              |                                    |                                 |         |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Năm 2019-2020 thiếu 22,5 giờ.

Năm 2020-2021 thiếu 22,5 giờ

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Năm 2019-2020 thiếu 90 giờ.

Năm 2020-2021 thiếu 90 giờ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV  
chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng  
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 ☐ CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho  
việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc  
UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các  
tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm  
từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



**Trần Thị Ngọc Dung**